

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 937/QĐ-UBND

*Phú Yên, ngày 15 tháng 6 năm 2011*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy chế tổ chức, quản lý đội ngũ Cộng tác viên**  
**kiểm tra văn bản**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 20/2010/TT-BTP ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức, quản lý đội ngũ Cộng tác viên kiểm tra văn bản.

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quy chế ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Đình Cự**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Tổ chức, quản lý đội ngũ Cộng tác viên kiểm tra văn bản**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2011  
của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)*

### **Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế được áp dụng đối với các cơ quan có chức năng kiểm tra văn bản, cộng tác viên kiểm tra văn bản và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

2. Quy chế này xác định về tổ chức và quản lý đội ngũ Cộng tác viên kiểm tra văn bản; tiêu chuẩn, quyền và nghĩa vụ của Cộng tác viên kiểm tra văn bản và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc xây dựng đội ngũ Cộng tác viên kiểm tra văn bản.

#### **Điều 2. Cộng tác viên kiểm tra văn bản**

1. Cộng tác viên kiểm tra văn bản là cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, có kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng và kiểm tra văn bản được người đứng đầu cơ quan kiểm tra văn bản quyết định công nhận và ký hợp đồng Cộng tác viên.

2. Cộng tác viên kiểm tra văn bản bao gồm:

a) Cộng tác viên của tỉnh: chịu sự quản lý, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Tư pháp.

b) Cộng tác viên của huyện, thị xã, thành phố: chịu sự quản lý, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ của Phòng Tư pháp.

#### **Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Cộng tác viên kiểm tra văn bản**

Cộng tác viên khi thực hiện nhiệm vụ tuân theo các nguyên tắc sau:

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

2. Việc kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật phải đảm bảo kịp thời, khách quan, chính xác và hiệu quả.

## **Chương II**

### **CỘNG TÁC VIÊN KIỂM TRA VĂN BẢN**

#### **Điều 4. Tiêu chuẩn Cộng tác viên kiểm tra văn bản**

Cộng tác viên kiểm tra văn bản phải đảm bảo các tiêu chuẩn sau:

1. Là cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.
2. Có trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ đại học trở lên; có thời gian công tác trong lĩnh vực chuyên môn từ 02 (hai) năm trở lên.
3. Có kinh nghiệm, hiểu biết về nghiệp vụ soạn thảo, ban hành và kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

#### **Điều 5. Phạm vi hoạt động kiểm tra văn bản của Cộng tác viên kiểm tra văn bản**

1. Tham gia công tác kiểm tra văn bản.

Thực hiện xem xét, đánh giá và đưa ra kết luận về tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật đối với các văn bản thuộc lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan, đơn vị mà Cộng tác viên đang công tác.

2. Tham gia công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật đối với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân; Quyết định, Chỉ thị của Ủy ban nhân dân thuộc lĩnh vực chuyên môn của cơ quan, đơn vị mà Cộng tác viên đang công tác.

3. Tham gia công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề, lĩnh vực.

4. Thực hiện công tác khác được ghi nhận trong hợp đồng.

#### **Điều 6. Quyền lợi của Cộng tác viên kiểm tra văn bản**

1. Cộng tác viên kiểm tra văn bản được hưởng thù lao Cộng tác viên và được hưởng chế độ kinh phí chi cho hoạt động công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp.

2. Được tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, cung cấp thông tin, tài liệu về kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

#### **Điều 7. Nghĩa vụ của Cộng tác viên kiểm tra văn bản**

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về kiểm tra văn bản pháp luật và Quy chế này.

2. Đảm bảo sự chính xác, khách quan trong công tác kiểm tra, rà soát văn bản của mình.

3. Tham gia thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, rà soát văn bản theo đúng thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc theo yêu cầu của cơ quan kiểm tra văn bản theo quy định.

### **Điều 8. Thủ tục công nhận Cộng tác viên kiểm tra văn bản**

1. Hồ sơ đề nghị công nhận Cộng tác viên kiểm tra văn bản:

a) Giấy giới thiệu của cơ quan, đơn vị của người đề nghị làm Cộng tác viên đang công tác.

b) Bản sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan, đơn vị.

c) Giấy đề nghị làm Cộng tác viên kiểm tra văn bản.

2. Thủ tục công nhận Cộng tác viên kiểm tra văn bản.

a) Người đề nghị được công nhận là Cộng tác viên gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này cho Sở Tư pháp (đối với Cộng tác viên cấp tỉnh), Phòng Tư pháp (đối với Cộng tác viên cấp huyện). Trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng phòng Tư pháp xem xét, quyết định công nhận Cộng tác viên kiểm tra văn bản.

b) Trong trường hợp không công nhận Cộng tác viên đối với người đã nộp hồ sơ đề nghị, Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng phòng Tư pháp phải thông báo bằng văn bản cho người đó và nêu rõ lý do từ chối.

### **Điều 9. Hợp đồng Cộng tác viên kiểm tra văn bản**

1. Sau khi quyết định công nhận Cộng tác viên kiểm tra văn bản, Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng phòng Tư pháp căn cứ vào nhu cầu công tác kiểm tra, rà soát văn bản thực hiện ký hợp đồng cộng tác đối với Cộng tác viên kiểm tra văn bản.

2. Hợp đồng cộng tác phải xác định rõ phạm vi mà Cộng tác viên kiểm tra văn bản sẽ thực hiện; quyền và nghĩa vụ của Cộng tác viên.

3. Hợp đồng cộng tác là cơ sở để xác định trách nhiệm và quyền hạn của các bên trong quan hệ cộng tác. Hợp đồng cộng tác có hiệu lực kể từ thời điểm hai bên cùng ký vào hợp đồng, trừ trường hợp hợp đồng có thỏa thuận khác.

### **Điều 10. Chấm dứt hợp đồng cộng tác viên kiểm tra văn bản**

Cộng tác viên kiểm tra văn bản chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn hợp đồng cộng tác viên kiểm tra văn bản.

2. Theo nguyện vọng của Cộng tác viên kiểm tra văn bản.

3. Cộng tác viên vi phạm Điều 7 của Quy chế này.

### **Chương III**

## **XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ ĐỘI NGŨ CỘNG TÁC VIÊN**

#### **Điều 11. Trách nhiệm của cơ quan kiểm tra văn bản**

1. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp thực hiện công tác kiểm tra văn bản và kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý văn bản được ban hành trái pháp luật theo quy định của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật và Thông tư số 20/2010/TT-BTP ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP.

2. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp trong việc xây dựng và quản lý đội ngũ Cộng tác viên cấp mình.

3. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp căn cứ vào phạm vi, tính chất văn bản thuộc thẩm quyền kiểm tra quyết định số lượng, quy mô Cộng tác viên kiểm tra văn bản của cấp mình.

4. Cơ quan kiểm tra văn bản có trách nhiệm hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ; tạo điều kiện thuận lợi cho Cộng tác viên kiểm tra văn bản thực hiện công việc. Cơ quan kiểm tra văn bản có quyền chấp nhận hay từ chối ý kiến đánh giá về kết quả kiểm tra văn bản của Cộng tác viên.

#### **Điều 12. Trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị**

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm động viên, tạo điều kiện thuận lợi để Cộng tác viên kiểm tra văn bản tại đơn vị mình tích cực tham gia Cộng tác viên kiểm tra văn bản.

2. Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành tỉnh, huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm cung cấp thông tin tài liệu cần thiết và giải trình về nội dung văn bản được kiểm tra theo yêu cầu của Cộng tác viên kiểm tra văn bản, đồng thời tạo điều kiện để Cộng tác viên kiểm tra văn bản thực hiện nhiệm vụ kiểm tra văn bản tại cơ quan, đơn vị mình.

#### **Điều 13. Mối quan hệ giữa cơ quan kiểm tra văn bản với Cộng tác viên**

Mối quan hệ giữa cơ quan kiểm tra văn bản với Cộng tác viên là mối quan hệ cộng tác trên cơ sở hợp đồng cộng tác dựa trên nguyên tắc bình đẳng, thỏa thuận và tự nguyện.

## **Chương IV** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 14. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm tổ chức triển khai và hướng dẫn thực hiện Quy chế này trên địa bàn tỉnh.

2. Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn trong việc dự toán và phân bổ kinh phí đảm bảo kinh phí hoạt động của Cộng tác viên kiểm tra văn bản theo quy định của pháp luật.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị mà Cộng tác viên đang công tác có trách nhiệm giới thiệu Cộng tác viên có tiêu chuẩn theo quy định của Quy chế này; tạo điều kiện thuận lợi cho Cộng tác viên thực hiện nhiệm vụ kiểm tra văn bản theo quy định.

4. Các cơ quan, đơn vị có văn bản được kiểm tra có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để Cộng tác viên kiểm tra văn bản thực hiện nhiệm vụ kiểm tra văn bản theo quy định.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã chỉ đạo Trưởng phòng Tư pháp và các cơ quan có liên quan ở địa phương triển khai thực hiện Quy chế này, đảm bảo kinh phí cho hoạt động của Cộng tác viên theo quy định.

### **Điều 15. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế này, nếu có vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh các cơ quan, đơn vị gửi ý kiến về Sở Tư pháp. Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp ý kiến, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Đình Cự**